

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

	Chỉ số giá tháng 10 năm 2021 so với:				Chỉ số giá bình quân 10 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Tháng 10 năm 2020	Tháng 12 năm 2020	Tháng 9 năm 2021	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	103,60	101,49	101,11	99,07	102,68
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	105,54	99,90	99,97	97,75	102,39
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	110,73	105,48	104,49	100,00	108,00
Thực phẩm	105,88	97,83	98,18	96,27	101,32
Ăn uống ngoài gia đình	101,47	101,50	101,52	100,00	101,48
Đồ uống và thuốc lá	104,87	101,84	101,83	99,20	101,28
May mặc, mũ nón và giày dép	104,71	101,63	101,18	100,00	101,74
Nhà ở và vật liệu xây dựng	101,70	98,52	97,36	98,19	103,40
Thiết bị và đồ dùng gia đình	102,56	100,30	100,25	100,00	100,84
Thuốc và dịch vụ y tế	100,15	100,05	100,04	100,00	100,10
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	105,15	118,84	116,22	102,37	110,50
Bưu chính viễn thông	99,05	99,03	99,14	99,63	99,46
Giáo dục	101,67	100,01	100,00	100,00	100,55
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	101,76	100,00	100,00	100,00	100,56
Văn hoá, giải trí và du lịch	101,14	99,36	99,53	99,96	99,00
Hàng hóa và dịch vụ khác	102,74	100,97	100,91	99,96	102,16
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	125,72	97,81	97,53	99,56	109,83
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	98,38	98,18	98,25	99,90	98,92